

Bản án số: 01/2021/HC-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Ông Hà Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường, vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/ TLST-HC, ngày 05 tháng 03 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1947 (Có mặt)

Địa chỉ: X, đường TN, tổ Y (nay là tổ Z), phường Đồng Quang, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân T

Địa chỉ: K, đường NT, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê QT – chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân T (theo văn bản ủy quyền số 49/QĐ-UBND ngày 12/01/2021) – Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân T

Địa chỉ: K, đường NT, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê QT – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân T (theo văn bản ủy quyền số 49/QĐ-UBND ngày 12/01/2021) – Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.2. Ủy ban nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.3. Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: O, đường ND, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn TB – Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN (Vắng mặt)

3.4. Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn VT – chủ nhiệm HTX (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ W, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.5. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1942 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X1, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.6. Bà Vũ TP, sinh năm 1949 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ W, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.7. Bà Vũ TT, sinh năm 1952 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, phường Tân Lập, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.8. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm ĐT, phường ĐB, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.9. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ W, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.10. Anh Vũ Viết L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ W, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.11. Ông Vũ Viết T2, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X1, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.12. Bà Vũ Thị T3 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ W, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị H trình bày: Bố mẹ đẻ bà là cụ Vũ Viết T4 và PT (đều chết năm 1995). Bố mẹ bà sinh được 09 người con gồm: Vũ Thị P, Vũ Thị H, Vũ TP, Vũ TT, Vũ Thị B, Vũ Thị T1, Vũ Viết D (chết năm 2017) có vợ tên là O1 (đã ly hôn) có 01 con chung là Vũ Viết L, Vũ Viết T2 và Vũ Thị T3. Bố mẹ bà được chính phủ cấp thửa đất số 467, tờ bản đồ số 3 bản đồ 299, diện tích 304m² và thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7 bản đồ 299, diện tích 216m² từ thời cải cách ruộng đất năm 1953, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1995 bố mẹ bà chết không để lại di chúc.

Năm 1996, thực hiện dự án để xây khu dân cư phường PĐP, TPTN, Ủy ban nhân dân TPTN (*viết tắt là UBND TPTN*) đã đổ đất san lấp các thửa ruộng của gia đình bà cùng các hộ dân khác. Khi gia đình bà có ý kiến về việc san lấp ruộng thì các cán bộ nói cứ san lấp xong sẽ đền bù nên gia đình bà không có ý kiến gì, gia đình bà chờ đợi nhiều năm nhưng không nhận được quyết định về việc chi trả tiền

đền bù. Năm 2002 được sự ủy quyền của các anh chị em trong gia đình bà làm đơn kiến nghị đến UBND TPTN về việc gia đình bà bị thu hồi đất mà không ban hành quyết định thu hồi đất, không được đền bù, đồng thời cũng xây nhà trên đất của gia đình đã bị san lấp, không thấy chính quyền địa phương đến nhắc nhở xử phạt hay có ai đến đòi hỏi quyền lợi gì.

Sau khi bà có đơn kiến nghị, ngày 17/7/2006 phòng Tài chính TPTN giao cho bà Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT về việc cấp đất xây dựng khu dân cư TPTN và Biên bản thống kê đền bù ghi ngày 16/4/1993. Ngày 20/5/2010 UBND TPTN có Quyết định số 2932/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà. Không nhất trí với Quyết định 2932/QĐ-UBND bà tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND T, UBND T giao nhiệm vụ cho UBND TPTN. Ngày 29/4/2011 Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN đã ban hành Quyết định số 4408/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà với nội dung không chấp nhận khiếu nại, bà tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND T. Đầu tháng 7/2017 bà nhận được Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a Điều 1 Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch UBND nhân dân TPTN.

Quyết định 1396/QĐ-UBND cho rằng bà không có quyền khiếu nại vì không liên quan đến quyết định 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992, bà không phải là người đại diện hợp pháp của gia đình là không có căn cứ. Việc UBND TPTN thu hồi đất của gia đình bà không ban hành quyết định thu hồi đất và không đền bù cho gia đình bà là sai, trái pháp luật. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND T. Ngày 26/7/2017 bà H có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/2/2018 yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T.

- Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND T và UBND T trình bày: Đối với việc ban hành Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT (nay là tỉnh T) về việc cấp đất xây dựng khu dân cư phường PĐP, TPTN, UBND tỉnh BT (nay là tỉnh T) đã ban hành đúng thẩm quyền quy định tại Luật đất đai năm 1987 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

- Ngày 10/10/1991, UBND thành phố đã thành lập đoàn công tác gồm thành phần đại diện cho Phòng xây dựng – nhà đất, Phòng Nông Lâm nghiệp, UBND phường PĐP và HTX nông nghiệp QT để tiến hành đi thực địa tại một số khu đất ruộng có năng suất thấp. Đoàn công tác đã lập biên bản thống nhất đề nghị UBND TPTN và các cơ quan chức năng xem xét cho thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp năng suất thấp sang quy hoạch khu dân cư để bố trí dân cư cho một số hộ nông nghiệp và hộ dân thuộc thành phố.

- Ngày 15/10/1991, UBND phường PĐP đã có tờ trình số 10/UB trình UBND TPTN về việc xin cấp đất quy hoạch một số khu dân cư trên địa bàn phường.

- Ngày 06/11/1991, UBND TPTN có tờ trình số 150/UB-TT trình UBND tỉnh BT (nay là tỉnh T) về việc xin quy hoạch các khu dân cư thuộc phường PDP.

- Ngày 16/3/1992, Sở xây dựng có Công văn số 141/QH-XD trình UBND tỉnh phê duyệt cấp đất cho UBND TPTN xây dựng khu dân cư phường PDP.

- Ngày 01/6/1992, Chi cục Quản lý ruộng đất đo đạc bản đồ BT đã có Công văn số 165/ĐCQH-RĐ đề nghị UBND tỉnh BT cho phép UBND TPTN được chuyển 7.956 m² đất nông nghiệp thuộc HTX nông nghiệp QT, phường PDP sang đất khu dân cư thành phố.

- Ngày 23/7/1992, UBND tỉnh BT đã ban hành quyết định số 285/QĐ-UB về việc cấp đất xây dựng khu dân cư TPTN.

Đối với việc ban hành Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a, Điều 1, Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch UBND TPTN, Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành đúng thẩm quyền quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Ngày 28/3/2017, UBND tỉnh ban hành Công văn số 1153/UBND-TCD giao cho Thanh tra tỉnh T kiểm tra quá trình giải quyết đơn của bà Vũ Thị H, trú tại tổ Y, phường ĐQ, TPTN không nhất trí với Quyết định số 4408 của UBND TPTN.

- Ngày 27/4/2017, Thanh tra tỉnh lập Báo cáo số 287/BC-TTR về việc báo cáo kiểm tra, làm rõ đơn của công dân Vũ Thị H. Xác định: Việc bà H khiếu nại đòi bồi thường diện tích đất của bố đẻ là ông Vũ Viết T4 được HTX nông nghiệp QT giao sử dụng canh tác, năm 1992 UBND tỉnh giao UBND thành phố để quy hoạch khu dân cư thuộc trường hợp không được thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật vì theo khoản 3 Điều 32 Luật Khiếu nại, tố cáo sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2005 quy định: “Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý để giải quyết...Người đại diện không hợp pháp; thời hiệu khiếu nại đã hết...”. Theo đó, Thanh tra tỉnh kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a Điều 1 Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch UBND TPTN về việc giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

- Ngày 05/6/2017, Chủ tịch UBND T ban hành Quyết định số 1396/QĐ-UBND về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a Điều 1 Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch UBND TPTN. Xác định khiếu nại của bà Vũ Thị H không có cơ sở xem xét giải quyết vì bà H không có quyền và lợi ích liên quan đến 02 thửa đất ruộng số 241 bản đồ 299 tờ số 7 và 467 bản đồ 299 tờ số 3 tại phường PDP vì đây là 02 thửa đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Hợp tác xã QT giao cho ông Vũ Viết T4 canh tác, nộp thuế. Khi nhà nước thu hồi đất của Hợp tác xã QT đã thực hiện đền bù sản lượng theo đúng quy định tại thời điểm. Từ năm 1992 (năm có quyết định thu hồi đất) đến năm 1995 (năm ông T4 chết), ông không có ý kiến gì về

việc thu hồi đất và đền bù sản lượng. Do vậy theo quy định tại Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo năm 2005 và Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 thì khiếu nại của bà H thuộc trường hợp không được thụ lý để giải quyết. Đồng thời, bà H cũng không phải là người đại diện hợp pháp để thực hiện khiếu nại. Việc ban hành quyết định 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền quy định, không chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị H.

- Người Đại diện hợp pháp của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN và Ủy ban nhân dân TPTN trình bày: Năm 2011 UBND TPTN nhận được đơn khiếu nại của bà Vũ Thị H. Căn cứ luật khiếu nại tố cáo ngày 02/12/1998; Luật khiếu nại, tố cáo năm 2004; Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo. UBND TPTN đã ban hành Quyết định 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Vũ Thị H, theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà H khiếu nại năm 1996, UBND TPTN lấy đất của ông Vũ Viết T4 là bỏ để của bà bán cho người khác không có quyết định thu hồi đất, không đền bù cho gia đình 2 thửa đất: thửa 467 diện tích 304 m², thửa 241 diện tích 200 m² vì các lý do sau:

Trước khi thực hiện quy hoạch và cấp đất dân cư phường PDP năm 1992, thửa đất số 467 và thửa 241 là đất do HTX nông nghiệp QT quản lý. HTX giao cho hộ ông Vũ Viết T4 là xã viên canh tác.

Ngày 23/7/1992, UBND tỉnh BT có quyết định 285/QĐ-UB về việc cấp đất xây dựng khu dân cư thành phố đã lấy của HTX QT để làm khu dân cư với tổng diện tích 7.956 m² đất nông nghiệp, trong đó có thửa 467 và thửa 241.

Thực hiện Điều III của Quyết định, UBND thành phố đã chi trả đầy đủ tiền đền bù sản lượng thực tế chưa đến kỳ thu hoạch cho HTX QT tại lệnh chi 0177918 ngày 13/8/1993. Tổng số tiền là 9.103.000 đồng (trong đó tiền đền bù sản lượng thực tế là 3.548.000 đồng theo Quyết định 285). HTX QT đã nhận đầy đủ và không có vướng mắc nào.

Tại thời điểm này việc thực hiện quy hoạch, cấp đất và giao đất dân cư chịu sự điều chỉnh của Luật đất đai năm 1988. Chính sách đền bù thực hiện theo Quyết định số 186/HĐBT ngày 31/3/1990 của Hội đồng bộ trưởng về việc đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác. UBND tỉnh có Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/12/1989 về việc ban hành quy định tạm thời đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang mục đích khác, trong đó quy định: "...Các tổ chức được cấp có thẩm quyền giao đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích khác thì phải đền bù thiệt hại sản lượng cho Nhà nước. Ngoài ra còn phải đền bù thực tế những thành quả lao động có trên đất cho người sử dụng hợp pháp như cây cối, hoa màu...".

Như vậy, trường hợp hộ ông Vũ Viết T4 nhà nước không quy định được đền

bù về đất, chỉ được đền bù sản lượng thực tế những thành quả lao động có trên đất (cụ thể là đền bù sản lượng thực tế vụ đang canh tác chưa đến kỳ thu hoạch). Do đó, việc bà Vũ Thị H đề nghị đền bù đất nông nghiệp là không có căn cứ giải quyết. HTX nông nghiệp QT phường PDP năm 1993 đã nhận tiền đền bù sản lượng thực tế đất nông nghiệp nhưng chưa chi trả cho hộ ông Vũ Viết T4 tại 2 thửa đất số 467 và thửa số 241.

- *Người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp PDP trình bày:* Ngày 27/3/1992 UBND tỉnh BT có Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 về việc cấp đất xây dựng khu dân cư TPTN. Trong đó, thu hồi 4 khu vực với diện tích 7.956m², trong đó có khu vực III diện tích 1.927 m² đất nông nghiệp hạng 5 một vụ lúa do HTX nông nghiệp QT phường PDP (nay là HTX dịch vụ tổng hợp nông nghiệp phường PDP) (*viết tắt là HTX*) quản lý. Trong tổng diện tích trên có diện tích 304 m² thửa 467 giao cho ông Vũ Viết T4 là xã viên HTX (bố đẻ bà H) và thửa 464, diện tích 287 m² giao cho bà Vũ TP là xã viên HTX. Hai thửa đất trên nằm tại bản đồ 299 tờ số 3 phường PDP được giao cho 2 hộ dân để canh tác. Ngày 13/8/1993 HTX đã được Phòng Tài chính thành phố thanh toán số tiền là 9.103.000đ (trong đó có tiền đền bù sản lượng thực tế cho ông Vũ Viết T4 và bà Vũ TP). Tuy nhiên thời điểm năm 1993 HTX chưa thanh toán cho 2 hộ dân. Năm 2008, HTX đã mời 2 hộ dân đến nhận tiền đền bù sản lượng được tính theo giá thóc năm 2008, hộ ông T4: 304 m² x 2.500đ/m² x 0,28kg = 212.800đồng; hộ bà TP: 287 m² x 2.500đ/m² x 0,28kg = 200.900đồng. Tuy nhiên, 2 hộ dân đều không đồng ý. Ngày 20/6/2012, HTX tiếp tục mời 2 hộ dân đến để giải quyết trả tiền đền bù sản lượng với công thức như trên tuy nhiên 2 hộ dân vẫn không nhất trí.

Nay, HTX dịch vụ tổng hợp nông nghiệp PDP xác định việc UBND tỉnh BT có quyết định 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 về việc thu hồi đất nông nghiệp do HTX nông nghiệp QT quản lý để cấp đất làm khu dân cư khu vực 3 đường 74b là đúng. HTX đã nhận đầy đủ số tiền đền bù theo quy định, không có ý kiến gì. Quá trình chi trả tiền đền bù sản lượng cho các hộ dân HTX có thiếu sót khi chưa thanh toán tiền đền bù thiệt hại sản lượng cho hộ ông T4 và hộ bà TP do quá trình bàn giao giữa các đời chủ nhiệm. Số tiền 9.103.000 đồng HTX nhận từ Phòng Tài chính thành phố là tiền đền bù về sản lượng chưa đến kỳ thu hoạch, còn đất có được đền bù hay không thì phải theo quy định về pháp luật đất đai tại thời điểm thu hồi.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị P, bà Vũ TP, bà Vũ TT, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị T1, anh Vũ Viết L, ông Vũ Viết T2 và bà Vũ Thị T3 TN với ý kiến của bà Vũ Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã xem xét thụ lý vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và đối thoại nhưng các bên đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

đã đưa vụ án ra xét xử để xem xét yêu cầu khởi kiện và tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại phiên tòa người khởi kiện bà Vũ Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTCQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về yêu cầu hủy toàn bộ quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 Chủ tịch UBND T về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a Điều 1 quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN.

Bà Vũ Thị H phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về sự có mặt, vắng mặt tại phiên tòa:* Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của bà Vũ Thị H thì đối tượng khởi kiện được xác định là Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a Điều 1 Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN (*Viết tắt là Quyết định 1396/QĐ-UBND*). Căn cứ vào Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi nhận được Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T, ngày 26/7/2017 bà Vũ Thị H có đơn khởi kiện đến Tòa án. Theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính, đơn khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện nên được thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện và quyết định khiếu nại có liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Đối với quyết định 1396/QĐ-UBND

- Về thẩm quyền ban hành quyết định 1396/QĐ-UBND:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại 2011, quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “2. Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết”.

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, Chủ tịch UBND T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Về hình thức: Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 thực hiện đúng mẫu số 16-KN ban hành kèm theo Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính

[2.3]. Về trình tự thủ tục ban hành:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Vũ Thị H, Chủ tịch UBND T đã giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh tiến hành rà soát lại nội dung quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN (Viết tắt Quyết định số 4408/QĐ-UBND). Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã có văn bản số 200/STN-MT-TTr ngày 04/02/2015 về rà soát quyết định số 4408/QĐ-UBND, xác định nội dung khiếu nại của bà Vũ Thị H không có hồ sơ, tình tiết mới. Ngày 05/6/2015 Chủ tịch UBND T có văn bản số 1414/UBND-TCD về rà soát khiếu nại của công dân Vũ Thị H (viết tắt là Văn bản số 1414), xác định Quyết định số 4408/QĐ-UBND của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị H không có hồ sơ, tình tiết mới, trả lời đơn khiếu nại của bà H đối với quyết định số 4408.

Không đồng ý với nội dung văn bản số 1414 của Chủ tịch UBND T, bà Vũ Thị H tiếp tục có đơn khiếu nại đối với Văn bản số 1414. Chủ tịch UBND T giao cho Thanh tra tỉnh T kiểm tra, làm rõ đơn của bà H. Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra của Thanh tra tỉnh T, ngày 05/6/2017 Chủ tịch UBND T ban hành Quyết định số 1396/QĐ-UBND là đúng tình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/7/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính Phủ.

[2.4]. Về căn cứ ban hành quyết định 1396/QĐ-UBND:

Bà Vũ Thị H khiếu nại quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/2/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Vũ Thị H: “Năm 1996, UBND thành phố lấy đất của ông Vũ Viết T4 là bố đẻ của bà bán cho người khác không có quyết định thu hồi đất, không đền bù cho gia đình, gồm 2 thửa đất: thửa 467, diện tích 304m²; thửa 241, diện tích 200m²”. Xét thấy: Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN ban hành quyết định giải quyết khiếu nại 4408 căn

cứ vào Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT về việc cấp diện tích 7.956m², đất nông nghiệp thuộc HTX nông nghiệp QT, phường PĐP cho UBND TPTN xây dựng khu dân cư thành phố, phường PĐP. Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT là quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước cấp tỉnh có tác động trực tiếp đến nội dung khiếu nại của bà Vũ Thị H. Khoản 1 Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) như sau: “1. *Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.* 2. *Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại*”. Việc UBND TPTN thụ lý giải quyết khiếu nại, ban hành quyết định số 4408/QĐ-UB là không đúng thẩm quyền, trái quy định quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, diện tích 304m² đất tại thửa đất số 467, và diện tích 200m² đất tại thửa đất số 241 nằm trong tổng số diện tích 7.956m² đất nông nghiệp được UBND tỉnh BT cấp cho UBND TPTN xây dựng khu dân cư thành phố, phường PĐP tại quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT thuộc quyền quản lý, sử dụng của HTX nông nghiệp QT phường PĐP, không thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình xã viên HTX trong đó có hộ cụ Vũ Viết T4 và cụ PT và bà Vũ TP.

Theo quy định tại Điều 1; Điều 7 Nghị định K6/HĐBT ngày 31/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (*nay là Chính phủ*), quy định về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác. Nhà nước không đền bù thiệt hại về đất nông nghiệp cho người sử dụng đất, mà người sử dụng đất có nguồn gốc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp, đất có rừng sang mục đích sử dụng khác phải đền bù thiệt hại về đất nông nghiệp, đất có rừng cho ngân sách Nhà nước. Nhà nước chỉ bồi thường các tài sản trên mặt đất và tài sản trong lòng đất (các công trình ngầm) cho chủ sử dụng đất hợp pháp.

Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT cấp diện tích 7.956m² đất nông nghiệp cho UBND TPTN xây dựng khu dân cư thành phố, phường PĐP thuộc HTX nông nghiệp QT quản lý. Hộ xã viên ông Vũ Viết T4 bà PT (*bố đẻ bà H*), được HTX giao nhận khoán hai thửa ruộng số 467 diện tích 304m²; thửa số 241 diện tích 200m², quyền lợi của gia đình bà H chỉ được Nhà nước bồi thường các tài sản trên mặt đất là sản lượng thóc chưa được thu hoạch theo quy định. Không bồi thường thiệt hại về đất nông nghiệp cho hộ xã viên, do đó không ảnh hưởng, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị H là người khiếu nại. Việc bà H khiếu nại đối với quyết định 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT, là không có quyền khiếu nại quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 1 Luật khiếu nại tố cáo năm 1998.

- Đối với Quyết định 4408/QĐ-UBND:

Về thời hiệu khiếu nại quyết định 4408: Tại công văn số 47/CV-TC ngày 12/7/2006 của Phòng Tài chính TPTN, báo cáo UBND TPTN về việc: Giải quyết đơn đề nghị đền bù đất nông nghiệp của bà Vũ Thị H, có ghi: “ 2.Không công nhận đơn khiếu nại của bà Vũ Thị H cư trú tại tổ Y, phường ĐQ, TPTN vì hết thời hiệu để giải quyết: Năm 1993 bố đẻ bà H, em gái bà H bị thu hồi đất nhưng không có bất cứ ý kiến gì về việc đòi bồi thường diện tích đất của gia đình được đưa vào quy hoạch. Đến ngày 20/7/2001 bà H mới có đơn đề nghị gửi các cấp, các ngành. Tuy nhiên trong đơn của bà H có viết: “Gia đình bà đã nhiều lần đề nghị lên các cấp các ngành nhưng không được giải quyết”

Theo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, quy định:

“Điều 31: Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được có hành vi hành chính.

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại”.

Như vậy, bà Vũ Thị H xác định năm 1993 gia đình bà bị Nhà nước thu hồi đất, ngày 20/7/2001 bà H có đơn đề nghị, khiếu nại về việc đòi bồi thường diện tích đất của gia đình được đưa vào quy hoạch. Đối chiếu với quy định trên thì đơn khiếu nại của bà Vũ Thị H đã hết thời hiệu khiếu nại. Do đó, việc Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN ban hành quyết định số 4408, về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị H có nội dung đối với quyết định số 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992 của UBND tỉnh BT (nay là tỉnh T), về việc cấp đất cho UBND TPTN xây dựng khu dân cư thành phố, phường PĐP nêu trên là không đúng thẩm quyền, không được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 32 Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998 và sửa đổi bổ sung luật khiếu nại tố cáo năm 2005.

Do đó, Chủ tịch UBND T ban hành quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a, Điều 1 quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch UBND TPTN là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, Chủ tịch UBND T căn cứ vào Luật đất đai năm 1993; luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013 làm căn cứ ban hành quyết định là không phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm UBND tỉnh BT (nay là T) ban hành quyết định 285/QĐ-UB ngày 23/7/1992. Nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của người khiếu nại, không làm thay đổi bản chất nội dung quyết định, Chủ tịch UBND T cần rút kinh nghiệm.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà H là người cao tuổi được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, Luật khiếu nại 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND T về việc hủy bỏ hiệu lực pháp lý của khoản a, Điều 1 Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân TPTN

2. Về án phí: Bà Vũ Thị H được miễn án phí hành chính sơ thẩm, trả lại bà H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008520 ngày 27/02/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh T;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội.;
- Cục THADS tỉnh T;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhài

